TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST
Ngày 02-04-2019
V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Thanh;

Ông Mai Tấn Lộc;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 02 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý: 538/2018/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị T, sinh năm: 1965; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Ông Phan Hữu Đ, sinh năm: 1964; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 24/11/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đặng Thị T trình bày:

Do quen biết bà và ông Phan Hữu Đ đã tổ chức đám cưới và chung sống như vợ chồng kể từ tháng 10/1985, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng

ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 1989 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, ông Đ thường xuyên chửi mắng và đánh đập bà và vợ chồng đã ly thân từ năm 2007 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Phan Hữu Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông Đ có 02 con chung: Phan Thị Ngọc D, sinh ngày 21/6/1989 và Phan Thị Diễm T, sinh ngày 21/11/1995. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Bị đơn ông Phan Hữu Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, bị đơn ông Phan Hữu Đ cư trú: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó, tranh chấp ly hôn giữa bà Đặng Thị T và ông Phan Hữu Đ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại các điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Đặng Thị T không xuất trình thêm chứng cứ mới.

[3] Tòa án đã triệu tập, niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn ông Phan Hữu Đ nhưng ông Đ vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Phan Hữu Đ.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, Bà Đặng Thị T và ông Phan Hữu Đ đã tổ chức đám cưới và chung sống như vợ chồng kể từ tháng 10/1985. Mặc dù cả hai không đăng ký kết hôn nhưng theo quy định tại điểm a Mục 3 của Nghị quyết số 35/2000/QH10 quy định "a) Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03-01-1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình", Nghị quyết số 35/2000/QH10 chưa bị thay thế, bãi bỏ nên vẫn còn giá trị pháp lý. Do đó, quan hệ vợ chồng của bà T và ông Đ là hôn nhân thực tế. Nay bà T có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà T đề nghị Tòa án cho ly hôn vì cho rằng trong quá trình sống chung vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, ông Đ thường xuyên chửi mắng và đánh đập bà và vợ chồng đã ly thân từ năm 2007 đến nay. Khi bà T có đơn xin ly hôn, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án hợp lệ cho ông Đ nhưng ông Đ không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà T, các lần hòa giải và tại phiên tòa ông Đ vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Điều đó đã cho thấy ông Đ đã không còn quan tâm đến hôn nhân giữa ông và bà T. Xét thấy, tình cảm và đời sống chung của vợ chồng bà T và ông Đ đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông Đ là phù hợp.

[5] Về con chung: Quá trình chung sống bà T và ông Đ có 02 con chung: Phan Thị Ngọc D, sinh ngày 21/6/1989 và Phan Thị Diễm T, sinh ngày 21/11/1995. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đặng Thị T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Bà Đặng Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị T: Cho Bà Đặng Thị T được ly hôn với ông Phan Hữu Đ.

2. Về án phí: Bà Đặng Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 16155 ngày 04/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy nên xem thi hành xong.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cai Lậy;
- CCTHADS huyện Cai Lậy;
- UBND xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Kim Thúy

.